

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ NỘI THẤT LUXURY 365

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ NỘI THẤT LUXURY 365

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUXURY 365 ARCHITECTURE INTERIOR DESIGN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LUXURY 365 AID CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108212507

3. Ngày thành lập: 03/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 ngõ 111/67 tổ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
2.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
3.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
4.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

5.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 11 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP) - Thiết kế cấp thoát - nước (Điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP). - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình (Điểm b, khoản 1, Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ (Điểm c, khoản 1, Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình (Điểm b, khoản 1, Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 151 Luật xây dựng số 50/QH/2014) - Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu) - Thiết kế điện – cơ điện công trình (Điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp (Điều 44, Nghị định 137/2013/NĐ-CP) - Thiết kế quy hoạch xây dựng; (Điều 13 Nghị định 42/2017/NĐ-CP) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật xây dựng số 50/QH/2014) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật xây dựng số 50/QH/2014) - Hoạt động thăm dò nước dưới đất (Điều 14 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP) - Thiết kế kiến trúc công trình (Điểm a, khoản 1 Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP). - Thiết kế nội, ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan (Điểm b, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 59/2015/NĐ-CP);	7110(Chính)
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
9.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận trừ thông tin nhà nước cấm	7320

10.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường (Điều 150 Luật bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014) - Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Điều 16,19 Luật bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014) - Dịch vụ quan trắc môi trường (Điều 121 Luật bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014)	7490
11.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
16.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi ; - Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm, mái che ; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất ; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự ; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự ; - Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
19.	Quảng cáo	7310
20.	Trồng cây cà phê	0126
21.	Đúc kim loại màu	2432
22.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
23.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
24.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
25.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
26.	Trồng cây chè	0127
27.	In ấn	1811
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211

30.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su, + Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng, + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu), + Tấm phủ sàn bằng cao su, + Cáp và sợi cao su, + Sợi cao su hoá, + Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su, + Trục cán bằng cao su, + Đệm hơi cao su, + Sản xuất bóng bay. - Sản xuất chổi cao su; - Sản xuất ống cao su cứng; - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính; - Đệm nước cao su ; - Túi tắm bằng cao su ; - Quần áo lặn bằng cao su.	2212
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm ; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;- Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669

36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Đúc sắt, thép	2431
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
43.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 19 Nghị định 25/2011/NĐ-CP)	6190
51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản Số: 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014)	6820
52.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn Pháp luật)	7020
53.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: trang trí nội thất	7410
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
55.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
56.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; - Quét đường và cào tuyết.	8129
57.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
58.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
60.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
61.	Xây dựng nhà các loại	4100

62.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
63.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: - Xây dựng công trình điện lực (Điều 3 Nghị định 14/2014/NĐ-CP)	4220
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết :- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn thiết bị điện, dụng cụ điện(Khoản 2,Điều 3 Nghị định 14/2014/NĐ-CP) - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường (Điều 17 Luật Đo lường Số: 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011) - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 53 Luật Phòng cháy chữa cháy Số: 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001)	4659
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước,hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.	4329
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
71.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
72.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
75.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm tươi sống (Điều 24 Luật An toàn thực phẩm Số: 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010) - Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Điều 19 Luật An toàn thực phẩm Số: 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010)	4632

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN NAM VIỆT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125328293

Ngày cấp: 27/07/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể nhà máy thuốc lá Bắc Sơn khu 3, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10 ngõ 32 đường Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NAM VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125328293

Ngày cấp: 27/07/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể nhà máy thuốc lá Bắc Sơn khu 3, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10 ngõ 32 đường Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội